

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày 10 - 01 - 2022

Về việc không công nhận vợ
chồng và tranh chấp nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Sang

Bà Cao Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 10 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 29/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 về việc không công nhận vợ chồng và tranh chấp nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn G, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Số 130D ấp An Thuận A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc O, sinh năm: 1982

Địa chỉ: 40 R, 93140 B1, France.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Ngọc O (nhận thay các văn bản tố tụng): Ông Nguyễn Văn B2, sinh năm 1956 là đại diện theo ủy quyền (tại văn bản ngày 15/12/2021)

Địa chỉ: Số 35D ấp 4, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

(Ông G, bà O vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/7/2021 và bản tự khai ngày 13/12/2021 và đơn xin vắng mặt ngày 13/12/2021, nguyên đơn ông Nguyễn Văn G trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc O xây dựng gia đình vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã ly hôn vào năm 2007 theo Quyết định số 52/2007/QĐST-VDS ngày 13/9/2007 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre. Sau khi ly hôn, nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn và muốn cùng nhau chăm lo cho con gái nên ông và bà O đã trở lại chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung lại phát sinh mâu thuẫn và bà O đã sang Pháp sinh sống từ năm 2015 đến nay. Quá trình chung sống, ông và bà O có 01 con chung là Nguyễn Thành L sinh ngày 10/01/2012. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Ông yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa ông và bà O.

Về con chung: Ông và bà O có 01 con chung là Nguyễn Thành L sinh ngày 10/01/2012, cháu L hiện đang sống chung với bà ngoại (mẹ bà O) tại địa chỉ 114C ấp M1, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Ông đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Thành L cho bà O nuôi dưỡng. Do ông không có thu nhập ổn định nên ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà O không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên ông xin vắng mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa sơ thẩm.

Theo văn bản trình bày ý kiến, xin vắng mặt và ủy quyền ngày 15/12/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc O trình bày:

Bà biết sự việc Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý vụ án về việc ông Nguyễn Văn G khởi kiện đối với bà để yêu cầu không công nhận vợ chồng và tranh chấp nuôi con chung. Bà đồng ý với các yêu cầu của ông G, cụ thể:

Về hôn nhân: Bà đồng ý yêu cầu của ông G về việc không công nhận vợ chồng giữa bà và ông G.

Về con chung: Bà và ông G có 01 con chung là Nguyễn Thành L, sinh ngày 10/01/2012 hiện đang sống chung với mẹ của bà tại địa chỉ: số 114C ấp Mỹ An C, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Bà đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông G không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên bà không thể về Việt Nam tham gia các buổi hòa giải và xét xử tại Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, bà yêu cầu Tòa án tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt bà.

Sau khi xét xử, bà ủy quyền cho cha ruột bà là ông Nguyễn Văn B2 được thay mặt bà nhận bản án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn G và bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc O là yêu cầu không công nhận vợ chồng và tranh chấp nuôi con chung. Ông Nguyễn Văn G đang ở Việt Nam, bà Nguyễn Thị Ngọc O đang ở nước ngoài (Pháp) nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và Người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Ngọc O xây dựng gia đình vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn nên ông G và bà O đã thuận tình ly hôn vào năm 2007 (theo Quyết định số 52/2007/QĐST-VDS ngày 13/9/2007 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre). Sau khi ly hôn, ông G và bà O nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong muốn cùng nhau chăm lo cho con gái nên ông G và bà O chung sống trở lại như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông G cho rằng trong quá trình sống chung lại phát sinh mâu thuẫn, bà O đã sang Pháp sinh sống từ năm 2015 đến nay, ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông và bà O. Sau khi biết sự việc Tòa án thụ lý vụ án, bà O cũng đồng ý với yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa bà và ông G. Xét thấy, ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Ngọc O tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002, có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố B. Đến năm 2007, do phát sinh mâu thuẫn nên ông G và bà O yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, đã được Tòa án nhân dân Thị xã B (nay là Tòa án nhân dân thành phố B) công nhận thuận tình ly hôn theo Quyết định số 52/2007/QĐST-VDS ngày 13/9/2007, do đó quan hệ hôn nhân giữa ông G và bà O đã chấm dứt. Sau khi ly hôn, ông G và bà O nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong muốn cùng nhau chăm lo cho con gái nên đã sống chung trở lại như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không tuân thủ theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam nên quan hệ hôn nhân giữa ông G và bà O không được xác lập. Nay ông G yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà O, bà O cũng đồng ý với yêu cầu này nên áp dụng Điều 14, Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu không công nhận vợ chồng của ông Nguyễn Văn G đối với bà Nguyễn Thị Ngọc O.

[3] Về con chung: Ông G và bà O trình bày thống nhất có 01 con chung là Nguyễn Thành L sinh ngày 10/01/2012, cháu L hiện đang sống chung với mẹ ruột bà O tại địa chỉ 114C ấp M1, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Ông G đồng ý giao cho bà O nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thành L, bà O đồng ý nuôi

dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này của ông G và bà O.

[4] Về tài sản chung: Ông G và bà O trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông G và bà O trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án cũng không nhận được đơn yêu cầu độc lập của bên thứ ba về vấn đề nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì bên thứ ba có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Ông Nguyễn Văn G phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 9, 14, 15, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc không công nhận quan hệ vợ chồng của ông Nguyễn Văn G đối với bà Nguyễn Thị Ngọc O.

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Ngọc O.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Ngọc O có 01 con chung là Nguyễn Thành L sinh ngày 10/01/2012. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông G và bà O về nuôi con chung. Ông G đồng ý giao cho bà O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thành L. Bà O đồng ý nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Ông Nguyễn Văn G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ông G lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Nguyễn Thị Ngọc O có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông G.

Bà Nguyễn Thị Ngọc O cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Nguyễn Văn G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Ngọc O có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Ngọc O trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Ngọc O trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án cũng không nhận được đơn yêu cầu độc lập của bên thứ ba về vấn đề nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì bên thứ ba có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Ông Nguyễn Văn G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002782 ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

3. Về phí ủy thác tư pháp về dân sự: Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn G số tiền tạm ứng phí ủy thác tư pháp về dân sự là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng số 0002793 ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Văn G được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật; bà Nguyễn Thị Ngọc O được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt